

CÔNG TY CỔ PHẦN ALC HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALC HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALC HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALC HN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110155084

3. Ngày thành lập: 19/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1 khối B Tòa nhà Sông Đà (Tòa nhà văn phòng), Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988938039

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm chức năng (Khoản 23 điều 2 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010); Bán buôn thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Khoản 23 điều 2 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010)	4632
8.	Trồng cây hàng năm khác	0119
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lâu năm khác	0129
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

12.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
13.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
14.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
15.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
16.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
17.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
18.	Khai thác gỗ	0220
19.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
20.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
21.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28-Luật thương mại số 36/2005/QH11)	8299
24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
25.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Tư vấn du học (Điều 9, Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập)	8560
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
27.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Chương II - Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810(Chính)

29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Khoản 2, điều 3; điều 62 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Khoản 8, điều 3; điều 74 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Khoản 5, điều 3; điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6820
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	7110
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
37.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Loại trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán.	7490
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
40.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
41.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
42.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
47.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

48.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
50.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
51.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
52.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá - Hoạt động thương mại điện tử (Trừ website đấu giá trực tuyến) (Điều 25 Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013)	4791
54.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
56.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
57.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
60.	Bốc xếp hàng hóa	5224
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
63.	Cơ sở lưu trú khác	5590
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
66.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
67.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
68.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
69.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
70.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Hoạt động cho thuê lại lao động (Điều 5 Nghị định số 55/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013) - Hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 6 Nghị định số 52/2014/NĐ -CP ngày 23/05/2014) - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Điều 8 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2016/QH11 ngày 29/11/2006)	7830
71.	Đại lý du lịch	7911
72.	Điều hành tua du lịch	7912

73.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
75.	Sản xuất điện Chi tiết: hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng tái tạo	3511
76.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
77.	Xây dựng nhà để ở	4101
78.	Xây dựng nhà không để ở	4102
79.	Xây dựng công trình điện	4221
80.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
81.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
82.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Phá dỡ	4311
85.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẤT ĐỘNG SẢN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM	6/45 Phố Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.940.0 00	29.400.000.000	49,000	0109234020	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.940.0 00	29.400.000.000	49,000		
2	TRẦN VĂN QUANG	10A-10 Toà G2 Khu đô thị Vinhomes Green Bay, Phường Mễ Trì, Quận Nam Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.620.0 00	16.200.000.000	27,000	0400880003 93	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.620.0 00	16.200.000.000	27,000		

3	NGUYỄN THẾ TRUNG	P402 Nhà 17T3 KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	540.000	5.400.000.000	9,000	040076000136
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	540.000	5.400.000.000	9,000	
4	LÊ QUANG HÃNH	2502CT2 The pride KĐT An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	5,000	031083003441
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	5,000	
5	PHÙNG VĂN TÍNH	Tổ 4, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	5,000	040047000140
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	5,000	

6	TRẦN XUÂN ĐIỆP	35 Phố Hoa Lan 8 Vinhomes, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	5,000	0340760006 62
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040076000136

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: P402 Nhà 17T3 KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P402 Nhà 17T3 KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội